| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 787 /QĐ-UBND | *Ninh Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
**V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thừa phát lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 48/TTr-STP ngày 18/3/2026 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thừa phát lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thừa phát lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp *(có Phụ lục kèm theo)*.

**Điều 2.** Bãi bỏ các nội dung công bố đối với các thủ tục hành chính tương ứng tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

**Điều 3.** Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cổng thông tin điện tử tỉnh đảm bảo đúng quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH-CB, TTPVHCC.

ĐAT_QĐCB/2026

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

**Nguyễn Anh Chức**

**Phụ lục**
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 03/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 1 | Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài<br>Mã số 1.008921.H42 | Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |
| 2 | Bổ nhiệm Thừa phát lại<br>Mã số 1.008922.H42 | - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh bổ nhiệm Thừa phát lại kèm theo hồ sơ đề | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 800.000 đồng/ hồ sơ | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | nghị bổ nhiệm; trường hợp từ chối đề nghị phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.<br>- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa phát lại của Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm Thừa phát lại; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.<br>- Thời gian xác minh, yêu cầu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết TTHC. | | | | Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | | |
| 3 | Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)<br>Mã số 1.008923.H42 | - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Chủ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | tịch UBND cấp tỉnh miễn nhiệm Thừa phát lại kèm theo hồ sơ đề nghị miễn nhiệm.<br>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ đề nghị miễn nhiệm của Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại. | | | | ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT- BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | | |
| 4 | Bổ nhiệm lại Thừa phát lại<br>Mã số 1.008924.H42 | - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm Thừa phát lại kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm; trường hợp từ chối đề nghị phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.<br>-Trong thời hạn 20 | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 500.000 đồng/hồ sơ | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa phát lại của Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm Thừa phát lại; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.<br>Thời gian xác minh, yêu cầu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. | | | | Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT- BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | | |
| 5 | Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại<br>Mã số 1.008925.000.00.00.H42 | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT- BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 6 | Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại<br>Mã số 1.008926.000.00.00.H42 | Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT- BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |
| 7 | Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại<br>Mã số 1.008927.000.00.00.H42 | Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 8 | Cấp lại Thẻ Thừa phát lại<br>Mã số 1.008928.000.00.00.H42 | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT- BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |
| 9 | Thành lập Văn phòng Thừa phát lại<br>Mã số 1.008929.000.00.00.H42 | - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại; trường hợp từ chối phải thông báo bằng băn bản và nêu rõ lý do.<br>- Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.000.000 đồng/hồ sơ | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 05/2021/TT BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại. | | | | 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT- BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | | |
| 10 | Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại<br>Mã số 1.008930.000.00.00.H42 | Trong thời hạn 04 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 05/2021/TT BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT- BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 11 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại<br>Mã số 1.008931.000.00.00.H42 | - Đối với trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.<br>- Đối với các trường hợp thay đổi khác thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 500.000 đồng/ hồ sơ | X | -Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 05/2021/TT- BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |
| 12 | Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại<br>Mã số 1.008932.000.00.00.H42 | - Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định cho phép chuyển đổi, Văn phòng Thừa phát lại phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp nơi cho phép chuyển đổi. Văn phòng Thừa phát lại nộp văn bản | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT- BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT-BTP | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.<br>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại chuyển đổi; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | | | | ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | | |
| 13 | Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại<br>Mã số 1.008933.000.00.00.H42 | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT- BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 14 | Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại<br>Mã số 1.008934.000.00.00.H42 | - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại; trường hợp không đồng ý phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.<br>- Trong thời hạn 04 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT- BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 15 | Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại<br>Mã số 1.008935.000.00.00.H42 | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT- BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |
| 16 | Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại<br>Mã số 1.008936.000.00.00.H42 | - Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại;<br>- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT- BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý | Dịch vụ công trực tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 17 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại<br>Mã số 1.008937.000.00.00.H42 | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không | X | - Nghị định số 08/2020/NĐ- CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2020/TT- BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT- BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | X | |